TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỦA CHÙA
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2021/HS-ST
Ngày 14-09-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỦA CHÙA - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : ông Trương Anh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân : bà Lò Thị Hạnh và ông Lờ A Hùng
- Thư ký phiên tòa: bà Lò Thị Thu- Thư ký TAND huyện Tủa Chùa , tỉnh Điện Biên
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Thu Hiền– Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 09 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2021/HSST ngày 13/8/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HS ngày 01/09/2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn Q** - Tên gọi khác: không; Sinh năm 1997 tại huyện T, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: bản K, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Thái; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn N– Sinh năm 1967 và bà Lò Thị N– Sinh năm 1973; Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Tòng Thị T- sinh năm 2003 và có 01 con sinh năm 2018. Tiền sự: không; Tiền án: không; Nhân thân: Bị cáo là người nghiện chất ma túy, năm 2018 bị Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội "tàng trữ trái phép chất ma túy", Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 26/4/2019 (đã được xóa án tích). Tạm giữ: không, tạm giam: từ ngày 30/5/2021 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: bà Lò Thị Khánh H- sinh năm 1982, là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt

- *Bị hại*: Trần Trung T- sinh năm 1987; trú tại: Tổ dân phố 5, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Khúc Văn K - sinh năm 1990, Trú tại: tổ dân phố Thống Nhất, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

+ Lò Văn A - sinh năm 1990, Trú tại: Bản K, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 26/5/2021, Bị cáo Lò Văn Q đi bộ qua khu vực phía sau nhà của gia đình anh Trần Trung T tại tổ dân phố Đồng Tâm, thị trấn T, huyện T, Bị cáo nhìn thấy một góc cánh cửa nhà kho của anh T làm bằng tôn bị cong ra phía bên ngoài, tạo khe hở với nền nhà một khoảng rộng 70cm, cao 66 cm nên Bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để đem bán lấy tiền tiêu xài, Bị cáo đã chui qua khe hở cánh cửa vào trong nhà, sau đó Bị cáo đi theo lối cầu thang lên tầng 02 của gia đình anh T. Lúc này, trong nhà anh T không có người, Bị cáo đi vào trong phòng ngủ nhìn thấy 01 chiếc ti vi màn hình tinh thể lỏng, nhãn hiệu Sony gắn trên tường, Bị cáo dùng tay gỡ ti vi ra khỏi tường, đặt xuống nền nhà. Sau đó, Bị cáo tiếp tục đi vào trong và nhìn thấy trên bàn có 01 chiếc điện thoại Vertu màu đen, 01 chiếc đồng hồ đeo tay màu trắng bạc có dây da màu đen, Bị cáo đã lấy chiếc điện thoại và đồng hồ cho vào túi quần bên trái đang mặc, rồi quay lại bê chiếc ti vi chui ra ngoài bằng lối cũ đã vào nhà.

Sau khi ra khỏi nhà Bị hại, Bị cáo đem chiếc ti vi về giấu ở lán ngủ của mình ở khu vực phía sau trường Trung học phổ thông T. Đến khoảng 15 giờ ngày 27/5/2021, Bị cáo mang ti vi bán cho anh Khúc Văn K, trú tại tổ dân phố N, thị trấn T, huyện T với giá 800.000 đồng. Sau đó Bị cáo đi vào Tổ dân phố Q, thị trấn T, tại đây Bị cáo đã đưa chiếc đồng hồ trộm cắp được cho anh trai là Lò Văn A sử dụng. Đến ngày 29/5/2021, Bị hại phát hiện bị mất tài sản nên đã trình báo sự việc với cơ quan Công an.

Vật chứng cơ quan điều tra đã thu giữ gồm: 01 chiếc ti vi màn hình tinh thể lỏng, nhãn hiệu Sony 40 inch; 01 chiếc điện thoại Vertu; 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu EMPORIO ARAMANI

Kết luận định giá tài sản số 29/KL-ĐGTS ngày 30/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T đã kết luận: giá thị trường tại thời điểm tháng 5/2021 của 01 chiếc ti vi màn hình tinh thể lỏng, nhãn hiệu Sony 40 inch, đã qua sử dụng là 5.000.000 đồng; 01 chiếc điện thoại Vertu, màu đen, xuất sứ Trung Quốc là 100.000 đồng; 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu EMPORIO ARAMANI, màu trắng bạc, dây da màu đen đã qua sử dụng là 100.000 đồng. Tổng cộng 03 khoản có giá trị là 5.200.000 đồng.

Bị hại có lời khai phù hợp với lời khai của Bị cáo về vị trí, đặc điểm và số lượng các tài sản bị chiếm đoạt. Quá trình điều tra, Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường vấn đề gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Khúc Văn K có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo về việc mua 01 chiếc ti vi nhãn hiệu Sony 40 inch, anh Khởi không biết là tài sản do Bị cáo phạm tội mà có và đã giao nộp chiếc ti vi cho Cơ quan điều tra và không yêu cầu Bị cáo phải bồi hoàn lại số tiền đã bỏ ra mua ti vi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Văn A khai được Bị cáo cho 01 chiếc đồng hồ và không biết là tài sản do phạm tội mà có, Lò Văn A đã giao nộp chiếc đồng hồ cho cơ quan điều tra.

Cáo trạng số 29/CT-VKSHTC ngày 13/8/2021 của VKSND huyện T đã truy tố bị cáo Lò Văn Q về tội trộm cắp tài sản, tại phiên tòa đại diện VKSND huyện T đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, Bị hại không yêu cầu Bị cáo phải bồi thường, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu Bị cáo phải bồi hoàn nên không đề nghị xem xét; Về vật chứng đề nghị công nhận quyết định xử lý vật chứng của cơ quan điều tra về việc trả lại tài sản cho Bị hại, về án phí đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo, đề nghị HĐXX xem xét về điều kiện hoàn cảnh của bị cáo, bị cáo sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ hiểu biết pháp luật hạn chế, quá trình điều tra truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, đề nghị HĐXX áp dụng cho Bị cáo các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự và cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất trong khung đề nghị của Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận gì sau khi nghe luận tội của Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[**1**] Tại phiên tòa vắng mặt Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, xét sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 của BLTTHS.

[**2**] Qua lời khai của Bị cáo và các chứng cứ được làm rõ tại phiên tòa đã xác định được:

Bị cáo Lò Văn Q vì muốn có tiền để sử dụng cho mục đích cá nhân, nên ngày 26/5/2021 lợi dụng lúc gia đình Bị hại Trần Trung T không có ai ở nhà; Bị cáo đã một mình vào nhà Bị hại lấy 01 chiếc ti vi, 01 chiếc điện thoại, 01 chiếc đồng hồ đeo tay, mục đích để đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của Bị hại xác nhận khoảng thời gian mất tài sản, vị trí, đặc điểm của các tài sản bị chiếm đoạt, phù hợp với vật chứng cơ quan điều tra thu giữ, kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả nhận dạng, Kết luận định giá tài sản, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Khúc

Văn K đã mua 01 chiếc Ti vi của Bị cáo, lời khai của Lò Văn A đã được Bị cáo cho 01 chiếc đồng hồ đeo tay và phù hợp với các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định bị cáo đã lợi dụng lúc chủ sở hữu sơ hở trong việc quản lý tài sản, đã lén lút lấy 01 chiếc ti vi, 01 chiếc điện thoại di động, 01 đồng hồ đeo tay với mục đích bán lấy tiền sử dụng cho mục đích cá nhân và Bị cáo đã bán được 01 chiếc ti vi cho Khúc Văn K thu được số tiền 800.000 đồng, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo kết luận định giá là 5.200.000 đồng; Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, do đó hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Trong quá trình Điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên cần xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên và người bào chữa về áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho Bị cáo.

Bị cáo là người nghiện chất ma túy, năm 2018 bị Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội "tàng trữ trái phép chất ma túy", Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 26/4/2019, tính đến ngày phạm tội mới Bị cáo đã được xóa án tích nhưng cần xem xét Bị cáo có nhân thân xấu và cân nhắc khi quyết định mức hình phạt.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo thực hiện hành vi một mình với lỗi cố ý trực tiếp, tài sản Bị cáo chiếm đoạt có giá trị 5.200.000 đồng, hành vi trộm cắp tài sản của Bị cáo đã gây hoang mang trong quần chúng nhân dân khu vực tổ dân phố Đồng Tâm, thị trấn T.

Xét tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu đang ngày càng có chiều hướng gia tăng, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện; Mặt khác, bị cáo là người nghiện chất ma túy, không chịu lao động sản xuất, mục đích phạm tội là để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điều 51 của Bộ luật hình sự và có nhân thân xấu, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa bị cáo phạm tội mới, đồng thời răn đe, giáo dục pháp luật cho những người khác.

[4] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

Đối với Khúc Văn K là người đã mua 01 chiếc ti vi của bị cáo, Lò Văn A là người nhận 01 chiếc đồng hồ từ Bị cáo, quá trình điều tra đã làm rõ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không biết là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là người nghiện chất ma túy, điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu Bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Khúc Văn K không yêu cầu Bị cáo phải bồi hoàn số tiền đã mua ti vi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tịch thu tài sản:

Đối với số tiền 800.000 đồng Bị cáo có được do bán tài sản phạm tội mà có, bị cáo đã chi tiêu hết, Hội đồng xét xử thấy cần truy thu sung ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự.

[8] Về vật chứng: Các vật chứng của vụ án gồm 01 chiếc ti vi, 01 chiếc điện thoại, 01 chiếc đồng hồ đeo tay, Cơ quan điều tra đã xử lý bằng hình thức trả lại cho Bị hại Trần Trung T là chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa Bị cáo đề nghị xem xét miễn án phí nên cần miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra, VKSND huyện trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên !

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn Q phạm tội: Trộm cắp tài sản.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Lò Văn Q **08** (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/5/2021.

3. Tịch thu tài sản: Áp dụng điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự:

Truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền 800.000 đồng (*tám trăm nghìn đồng*) do Bị cáo bán tài sản phạm tội mà có.

4. Xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra Công an huyện T về việc trả lại các tài sản cho Bị hại gồm 01 chiếc ti vi màn hình tinh thể lỏng, nhãn

hiệu Sony 40 inch; 01 chiếc điện thoại Vertu, màu đen; 01 chiếc đồng hồ đeo tay nhãn hiệu EMPORIO ARAMANI, màu trắng bạc.

5. Án phí :

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

6. Kháng cáo:

Áp dụng điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo đối với người có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :
- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện;
- CQTHAHS huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Sở Tư Pháp;
- THADS huyện;
- Bị cáo, Người bào chữa;
- Bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu HSVA, HSTHA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trương Anh Tuấn